

Bản án số:176/2024/HS-PT
Ngày: 13 - 3- 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Lê Na**

Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Bích Ng**

Ông Nguyễn Ngọc Huân

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lưu Q Anh** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy Diệp** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2024, tại Toà án nhân dân thành phố H xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 127/2024/TLPT-HS ngày 31 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Tiến Tr do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 136/2023/HSST ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đan Ph, thành phố H.

- Bị cáo bị kháng nghị:

Nguyễn Tiến Tr, sinh năm 1994 tại tỉnh H N; Nơi ĐKNKTT và cư trú: Thôn 3, xã C L, huyện L N, tỉnh H N; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tiến Đ (đã chết) và bà Tạ Thị Kh; Vợ, con: chưa;

Tiền án, tiền sự: không.

Bị tạm giam từ ngày 07/12/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 01 Công an thành phố H.

Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại không có kháng cáo:

1. Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1993: Địa chỉ: Số 18, ngõ 149, đường V K, Cụm 2, xã T H, huyện Đan Ph, Thành phố H. *Vắng mặt.*

2. Anh Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1990; Địa chỉ: 15A09, Sảnh FS, CC 47 N T, phường T X, quận T X, Thành phố H. *Vắng mặt.*

3. Anh Nguyễn Duy Q, sinh năm 1993; Địa chỉ: Số 2, ngõ 122, đường V K, Thôn V K, xã T H, huyện Đan Ph, Thành phố H. *Vắng mặt.*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo:

1. Anh Bé Thành C, sinh năm 1992; Địa chỉ: Số 6A11 Đ T, phường B Đ, quận H B T, Thành phố H; *Vắng mặt.*

2. Anh Võ Hoàng Anh M, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn T Y, xã S Y, huyện D X, tỉnh Q N. *Vắng mặt.*

3. Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1992; Địa chỉ: Phòng 101 H5, khu H, tập thể Viện QHĐTNT K L, quận Đ Đ, Thành phố H. *Vắng mặt.*

4. Anh Ngô Đình D, sinh năm 1989; Địa chỉ: Ấp 3, xã T H, huyện L Tỉnh Đ N. *Vắng mặt.*

5. Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1995; Địa chỉ: P1104 chung cư cảnh sát 113, Nguyễn Như U, phường Yên H, quận C G, Thành phố H. *Vắng mặt.*

6. Anh Hồ Xuân T1, sinh năm 2000; Địa chỉ: Tổ 3, khu phố M A 2, phường H T, thị xã H N, tỉnh B Đ. *Vắng mặt.*

7. Anh Trần Văn Đ, sinh năm 2000; Địa chỉ: Số 66A, ngách 36 Nguyễn X, H Đ, T X, Thành phố H. *Vắng mặt.*

8. Anh Đông Văn M, sinh năm 1993; Địa chỉ: Đội 7, Thôn T H, xã T H, huyện Đan Ph, Thành phố H. *Vắng mặt.*

9. Anh Dương Ngọc T2, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn Nước G, xã T H, huyện L G, tỉnh B G. *Vắng mặt.*

10. Anh Lâm Ngọc Kh, sinh năm 1983; Địa chỉ: B9. 04. 163 Phan Đăng N, phường 1, quận P N, Thành phố H C M. *Vắng mặt.*

11. Anh Phan Văn H, sinh năm 1990; Địa chỉ: Xóm 2, xã Quỳnh B, huyện Quỳnh L, tỉnh N A. *Vắng mặt.*

12. Anh Vũ Mạnh T, sinh năm 1994; Địa chỉ: P912 Số 53 T K, quận T X, Thành phố H. *Vắng mặt.*

13. Chị Nguyễn Thanh H, sinh năm 1994; Địa chỉ: Thôn 10, xã Lý Tr, huyện Bó Tr, tỉnh Q B. *Vắng mặt.*

14. Chị Bùi Thu H, sinh năm 1971; Địa chỉ: Tổ 7, khu 3B, phường Giềng Đ, thành phố H L, tỉnh Q N. *Vắng mặt.*

15. Anh Lê Đình D, sinh năm 1986; Địa chỉ: KP 9, thị trấn G L, huyện G L, tỉnh Q T. *Vắng mặt.*

16. Anh Nguyễn Ngọc T3, sinh năm 1989; Địa chỉ: Khu 1, phường H L, thành phố M C, tỉnh Q N. *Vắng mặt.*

17. Anh Phan Quốc H2, sinh năm 1994; Địa chỉ: Số 27, đường B H, Q Á, B H, huyện Đ A, Thành phố H. *Vắng mặt.*

18. Anh Đỗ Xuân N, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số 58 T H, phường T V, quận N T L, Thành phố H. *Vắng mặt.*

19. Anh Đặng Bình A, sinh năm 1982; Địa chỉ: P114 Nhà A, Tổ 26, N Đ quận C G, Thành phố H. *Vắng mặt.*

20. Anh Vũ Việt Th, sinh năm 1991; Địa chỉ: Ấp B S, xã X B, C Đ, tỉnh B. *Vắng mặt.*

21. Chị Phạm Thị Mộng M, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số 01, khu phố Chợ, phường L T, T A, tỉnh B D. *Vắng mặt.*

22. Chị Bành Thị Ái V, sinh năm 1989; Địa chỉ: A7 T23C Chung cư PVC-IC- 242 Nguyễn Hữu C, phường T N, thành phố V T, tỉnh B. *Vắng mặt.*

23. Anh Phan Hoàng Lê M, sinh năm 2000; Địa chỉ: E19 Khu Đ A, phường 9, thành phố V T, tỉnh B. *Vắng mặt.*

24. Anh Dương Anh Q, sinh năm 1991; Địa chỉ: Số 10 C G, phường H B, quận H K, Thành phố H. *Vắng mặt.*

25. Anh Hoàng Đình N, sinh năm 1995; Địa chỉ: Số 145/13 Cống Lở P15, quận T B, Thành phố H C M. *Vắng mặt.*

26. Anh Trần Đức L, sinh năm 1994; Địa chỉ: P H 2, xã Dục T, huyện Đ A, Thành phố H. *Vắng mặt.*

27. Anh Tô Thái H, sinh năm 1992; Địa chỉ: Phòng 410, chung cư A3, số 110 đường P H, phường P L, Quận H Đ, Thành phố H. *Vắng mặt.*

28. Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1995; Địa chỉ: Số 515 Điện Biên Phủ, KP2, phường L T, thành phố V T, tỉnh B. *Vắng mặt.*

29. Anh Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số 81 D T, thành phố H T T, quận H C, Thành phố Đ N. *Vắng mặt.*

30. Chị Trần Thị H, sinh năm 1994 ; Địa chỉ: Số 28 đường số 12, KDC CityLand, phường 10, quận G V, Thành phố H C M. *Vắng mặt.*

31. Anh Phan Viết Th, sinh năm 1995; Địa chỉ: Xóm C C, xã C C, huyện M C, tỉnh H B. *Vắng mặt.*

32. Anh Khúc Duy Kh, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số 193/213 Thiên L, phường Vĩnh N, quận Lê C, Thành phố H P. *Vắng mặt.*

33. Anh Đỗ Tuấn A, sinh năm 1996; Địa chỉ: P1713, Tòa nhà AZsky, Phường Đ C, quận H M, Thành phố H. *Vắng mặt.*

34. Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1993; Địa chỉ: 307 HH III 12.2 Khu đô thị P V, T H, H L, quận H M, Thành phố H. *Vắng mặt.*

35. Anh Lê Thanh Th, sinh năm 1989; Địa chỉ: Phòng 306 Tòa nhà South Buiding, Trần Thủ Đ, P V, phường H L, quận H M, Thành phố H. *Vắng mặt.*

36. Anh Lê Hồng Th, sinh năm 1999; Địa chỉ: Số 15/1D N Q, Phường 10, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. *Vắng mặt.*

37. Anh Lê Trung D sinh năm 1997; Địa chỉ: Số 240 Đê La Thành, T Q quận Đ Đ, Thành phố H. *Vắng mặt.*

38. Anh Trần Đức S, sinh năm 1994; Địa chỉ: Số 226 phố V, phường P L, quận T X, Thành phố H. *Vắng mặt.*

39. Anh Trần Minh Q, sinh năm 1992; Địa chỉ: Tổ dân phố 4, phường M L, quận H Đ, Thành phố H. *Vắng mặt.*

40. Anh Nguyễn Q T, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn 2, xã C Q, huyện H Đ, Thành phố H. *Vắng mặt.*

41. Anh Đỗ Huy Ng sinh năm 1991; Địa chỉ: Tổ dân phố số 2, M T H, phường M T, quận N T L, Thành phố H. *Vắng mặt.*

42. Anh Ngô Xuân T, sinh năm 1997; HKTT: Thôn 3, xã C L, huyện L N, tỉnh H N; Địa chỉ: 11/32 Đỗ Đức D, phường M T, Quận N T L, Thành phố H. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1990 ở số 47 N T, phường T X, quận T X, Thành phố H là trưởng nhóm Tradecoinx1000BTC và SunWale- tcx1000 BTC trên ứng dụng Telegram, chuyên cung cấp các thông tin về dự án tiền điện tử.

Ngày 13/11/2021, anh T đăng thông tin trên nhóm về dự án Nodle (website:nodle.io) để mọi người tìm hiểu. Ngày 21/11/2021, anh T và anh Nguyễn Duy Q, sinh năm 1993 ở thôn V K, xã T H, huyện Đan Ph, thành phố H tạo ví điện tử, địa chỉ ví “TK5zSmq14QBWuwsAwF7Exn9kudJZztLihZ” để những nhà đầu tư chuyển tiền điện tử USDT vào. Sau đó, anh T và anh Q giao cho Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1993 ở cụm 2, xã T H, huyện Đan Ph, Thành phố H quản lý ví điện tử trên và có 81 nhà đầu tư tham gia đầu tư vào ví điện tử trên với tổng 106.337 USDT gồm: Bé Thành C đầu tư 1.100 USDT, tương đương 26.000.000 đồng; Võ Hoàng Anh M đầu tư 1.200 USDT, tương đương 29.040.000 đồng; Nguyễn T A đầu tư 1000 USDT, tương đương 23.500.000 đồng; Ngô Đình D đầu tư 550 USDT; Nguyễn Xuân T đầu tư 2000 USDT, tương đương 47.000.000 đồng; Khúc Duy Khánh đầu tư 1000 USDT, tương đương 23.000.000 đồng; Hồ Xuân Th đầu tư 1000 USDT tương đương 24.000.000 đồng; Trần Văn Đh đầu tư 1000 USDT tương đương 23.500.000 đồng; Đông Văn M đầu tư 3001 USDT tương đương 72.000.000 đồng; Dương Ngọc T đầu tư 550 USDT tương đương với 13.000.000 đồng; Lâm Ngọc Kh đầu tư 550 USDT; Phan Văn H đầu tư 1100 USDT; Vũ Mạnh T đầu tư

550 USDT tương đương 12.925.000 đồng; Nguyễn Thanh H đầu tư 550 USDT tương đương 12.815.000 đồng; Bùi Thu H đầu tư 550 USDT; Lê Đình D đầu tư 800 USDT; Nguyễn Ngọc T đầu tư 500 USDT; Phan Quốc H đầu tư 550 USDT; Đỗ Xuân N đầu tư 28.250 USDT tương đương 663.875.000 đồng; Đặng Bình A đầu tư 1.100 USDT tương đương với 25.850.000 đồng; Vũ Việt Th đầu tư 660 USDT; Phan Thị Mộng M đầu tư 605 USDT tương đương 14.500.000 đồng; Bành Thị Ái V đầu tư 550 USDT tương đương 13.000.000 đồng; Phan Hoàng Lê M đầu tư 550 USDT tương đương 13.000.000 đồng; Dương Anh Q đầu tư 1.000 USDT; Hoàng Đình N đầu tư 550 USDT tương đương 11.700.000 đồng; Trần Đức L đầu tư 1.100 USDT tương đương 25.850.000 đồng; Tô Thái H đầu tư 550 USDT tương đương 13.000.000 đồng; Nguyễn Thị Ngọc T đầu tư 550 USDT tương đương 12.925.000 đồng; Nguyễn Minh Đ đầu tư 500 USDT tương đương 12.950.000 đồng; Trần Thị H đầu tư 1.650 USDT tương đương 39.600.000 đồng; Phan Viết Th đầu tư 500 USDT và nhiều nhà đầu tư khác chưa xác định được.

Sáng ngày 23/11/2021, chị Ng đến chơi tại nơi Nguyễn Tiên Tr thuê trọ là phòng 401 CT1A Chung cư T T Đ thuộc xã T L, huyện Đan Ph, Thành phố H. Khoảng 13 giờ cùng ngày, chị Ng được anh T giao quản lý ví điện tử trên và cụm 12 chữ (Private key) của ví điện tử để đối soát những người chuyển tiền điện tử USDT vào ví. Đến 18 giờ cùng ngày, Ng cho Tr xem ví điện tử của nhóm đầu tư dự án tiền ảo gửi cho Ng quản lý. Tr xem nội dung tin và nhớ được 12 chữ của ví điện tử trên. Khoảng 03 giờ ngày 24/11/2021, Tr vào ứng dụng Trust, đây là ứng dụng để lưu trữ tiền điện tử hay còn gọi là ví nóng trên điện thoại của Tr kết nối mạng internet, nhập 12 chữ bảo mật tài khoản ví điện tử trên. Sau khi truy cập thành công, Tr thấy ví có số tiền điện tử là 106.337 USDT nên chuyển hết số tiền này đến ví điện tử của Tr là “TGaHjGo5JjGP7Cyk3Cy3ZkwAK1tRd4F6Z” để chiếm đoạt. Sau đó, Tr gọi cho Đỗ T A nhờ bán với giá 23.700 đồng/ 1USDT. Tr chuyển cho T A 100.007 USDT vào ví điện tử của T A là “TXRvm9enaxk3xaDrkpLfDTJ3Hy2dyNLfE”. T A trao đổi với Phạm Văn Đ ở P V, T H, H L, quận H M, Thành phố H. Đ giới thiệu Lê Thanh Th ở Phòng 306 Tòa nhà South Buiding P V, phường H L, quận H M, Thành phố H để mua 100.000 USDT với giá 2.370.300.000 đồng (23.703 đồng/01 USDT). Sau đó, T A gửi 100.000 USDT vào ví điện tử của Th là “TwdzSsDbZgEh6g5DUKsqoRzaAin89guss8” mở tại sàn Binance, Th đã đặt lệnh bán cho 05 nhà đầu tư, cụ thể gồm: Lê H T mua 36.314,84 USDT tương đương với 827.538.691 đồng; Lê Trung D mua 36.760,31 USDT tương đương 837.694.198 đồng; Trần Đức Sơn mua 26.329,64 USDT tương đương với 600.000.000 đồng và một người tên Đinh Thái A (không rõ tên tuổi địa chỉ) mua 1.844,29 USDT tương đương với 42.027.861 đồng, tổng số tiền bán được là 2.307.260.000 đồng. Sau đó đẩy lên sàn bán và không rõ bán cho ai, do đặt nhầm giá thấp hơn so với giá mua từ T A nên Th phải bù khoảng 62 triệu để trả T A (lệnh là 22.788 đồng/01USDT). Số tiền bán được chuyển đến tài khoản Ng hàng của Th tại Ng hàng Techcombank. Sau đó Th chuyển tiền cho T A 2.370.000.000 đồng. T A chuyển cho Tr qua tài

khoản Ng hàng là 2.210.000.000 đồng, còn 100 triệu đưa trực tiếp cho Tr, 30 triệu giữ lại do Tr nợ tiền và 30 triệu trả tiền ăn do Tr tổ chức, tổng là 2.370.000.000 đồng. Ngoài ra Tr còn chuyển số tiền điện tử là 3.380 USDT vào ví điện tử của T A để trả nợ và Tr chuyển 2.950 USDT vào ví điện tử của Tr là “THqDNYq1vpAB1RxWKA vCRDwudwXA2cp4Iz” để đầu tư nhưng bị thua hết. Sau khi nhận được tiền, Tr chuyển 50.000.000 đồng cho Trần Minh Quyết ở TDP 4, phường M L, quận H Đ, Thành phố H để đặt cọc mua ô tô; chuyển 882.600.000 đồng cho Nguyễn Q Trung ở thôn 2, xã Cát Quế, huyện Hoài Đức, Thành phố H để mua ô tô; trả 70.280.000 đồng cho Đỗ Huy Nghĩa ở Mễ Trì Hạ, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Thành phố H; mua điện thoại 17.000.000 đồng của Ngô Xuân Toàn, hộ khẩu thường trú tại thôn 3, xã C L, huyện L N, tỉnh H N; số tiền còn lại trả nợ và tiêu xài cá nhân hết. Đến năm 2022, Tr đã bán ô tô và điện thoại.

Bản cáo trạng số 127/CT-VKS - ĐP ngày 06 tháng 11 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Ph, Thành phố H truy tố Nguyễn Tiến Tr về tội “*Xâm nhập trái phép vào mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử của người khác*” theo điểm c khoản 3 Điều 289 của Bộ luật Hình sự.

Bản án Hình sự sơ thẩm số 136/2023/HSST ngày 22/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đan Ph, thành phố H đã quyết định:

Căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 289; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tiến Tr 8 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Xâm nhập trái phép vào mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử của người khác*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 07/12/2022.

Về dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584; Điều 589 của Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Tiến Tr phải bồi thường trả chị Nguyễn Thị Ng, anh Hoàng Văn T và anh Nguyễn Duy Q số tiền 2.370.000.000 đồng (Hai tỷ ba trăm bảy mươi triệu đồng) và 2.950 USDT tương ứng với 69.915.000 đồng. Chị Nguyễn Thị Ng, anh Hoàng Văn T và anh Nguyễn Duy Q phải liên đới chịu trách nhiệm hoàn trả cho những người có liên quan gồm: Anh Bế Thành C 1.100 USDT, tương đương 26.000.000 đồng; anh Hồ Xuân Thứ 1.000 USDT tương đương 24.000.000 đồng; anh Dương Ngọc Tuấn 550 USDT tương đương 13.000.000 đồng; anh Phan Văn H 1.100 USDT tương đương 26.000.000 đồng; Vũ Mạnh T 550 USDT tương đương 12.815.000 đồng; anh Nguyễn Ngọc T 500 USDT tương đương 11.650.000 đồng; anh Đỗ Xuân N 28.250 USDT tương đương 663.875.000 đồng; anh Đặng Bình A 1.100 USDT tương đương 25.850.000 đồng; chị Phan Thị Mộng M 605 USDT tương đương 14.500.000 đồng; anh Phan Hoàng Lê M 550 USDT tương đương 13.000.000 đồng; anh Trần Đức L 1.100 USDT tương đương 26.000.000 đồng; anh Tô Thái H 550 USDT tương đương 13.000.000 đồng; chị Trần Thị H 1.650 USDT tương đương 39.600.000 đồng; anh Khúc Duy K 1.000 USDT tương đương 23.000.000 đồng. Tổng 932.290.000 đồng. Trong đó trách nhiệm hoàn trả

của Ng là 50% = 466.145.000 đồng; T và Q mỗi người 25% = 233.072.500 đồng, trên số tiền bồi thường thiệt hại.

Giành quyền khởi kiện về dân sự cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác khi có yêu cầu.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo.

Bị cáo, các bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không kháng cáo.

Ngày 18/01/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố H có kháng nghị phúc thẩm số 03/QĐ-VKS ngày 18/01/2024 về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Tiến Tr tại bản án Hình sự sơ thẩm số 136/2023/HSST ngày 22/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đan Ph. Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố H xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng hủy toàn bộ bản án Hình sự sơ thẩm số 136/2023/HSST ngày 22/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đan Ph.

Tại phiên tòa phúc thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H vẫn giữ nguyên nội dung kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đề nghị: Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, điểm a khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát, hủy toàn bộ bản án Hình sự sơ thẩm số 136/2023/HSST ngày 22/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đan Ph để điều tra, xét xử lại.

Lời nói sau cùng bị cáo Nguyễn Tiến Tr thể hiện thái độ ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình và mong nhận được sự khoan hồng của pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo cho rằng hành vi của bị cáo không phạm tội theo Điều 290 Bộ luật hình sự như kháng nghị của Viện kiểm sát và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hình thức kháng nghị:* Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đúng thẩm quyền và trong thời hạn của luật định nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] *Về nội dung:*

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo trình bày lời khai như đã trình bày tại cơ quan điều tra và phiên tòa sơ thẩm. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 03 giờ ngày 24/11/2021 tại phòng trọ của Tr ở phòng 401 CT1A Chung cư Tân Tây Đô thuộc xã T L, huyện Đan Ph, thành phố H, Tr đã sử dụng

ứng dụng Trust, là ứng dụng để lưu trữ tiền điện tử hay còn gọi là ví nóng trên điện thoại của Tr kết nối mạng internet, nhập 12 chữ bảo mật tài khoản ví điện tử địa chỉ “TK5zSmq14QBWuwsAwF7Exn9kudJZztLihZ” do Nguyễn Thị Ng quản lý, xâm nhập trái phép vào ví điện tử này và chuyển toàn bộ dữ liệu điện tử trong ví là 106.337 USDT ra khỏi ví điện tử do chị Ng quản lý. Nguyễn Tiến Tr đã nhờ Đỗ T A bán 100.007 USDT cho nhiều nhà đầu tư và thu lợi 2.370.000.000 đồng. Ngoài ra Tr chuyển 3.380 USDT vào ví điện tử của T A để trả nợ cho T A; chuyển 2.950 USST vào ví điện tử của Tr để đầu tư nhưng thua lỗ hết.

Toàn bộ số tiền thu lợi từ việc bán dữ liệu điện tử trong ví điện tử của chị Ng bị cáo Tr sử dụng trả nợ, mua ô tô và tiêu dùng cá nhân hết.

[3] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Tiến Tr:

Bị cáo Nguyễn Tiến Tr đã cố ý sử dụng quyền quản trị ví điện tử của chị Ng để xâm nhập trái phép vào ví điện tử này và chuyển toàn bộ dữ liệu điện tử là 106.337 USDT ra khỏi ví điện tử do chị Ng quản lý và bán một phần dữ liệu để thu lợi, dùng một phần để trả nợ, một phần để tiếp tục đầu tư. Tổng số tiền Tr thu lợi bất chính từ dữ liệu trong ví điện tử của chị Ng là 2.370.000.000 đồng.

Hành vi này của bị cáo đã phạm tội “*Xâm phạm trái phép vào mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử của người khác*” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 289 Bộ luật hình sự với tình tiết định khung là “*thu lợi bất chính 500.000.000 đồng trở lên*”.

Về quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H cho rằng hành vi của Nguyễn Tiến Tr phạm tội “*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 290 Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

USDT là một đồng tiền điện tử, hay còn gọi là “tiền ảo” đang tồn tại ở Việt Nam. Tuy nhiên, theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành chưa công nhận đồng tiền điện tử này là tài sản. USDT không phải là tiền tệ và không phải là phương tiện thanh toán hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam. Việc phát hành, cung ứng và sử dụng loại tiền điện tử này làm tiền tệ hoặc phương tiện thanh toán là những hành vi không phù hợp quy định pháp luật Việt Nam.

Chính vì USDT chưa được công nhận là tài sản nên không đủ căn cứ để tiến hành định giá số lượng USST trong ví điện tử của chị Ng nhằm xác định giá trị tài sản chiếm đoạt để xác định khung hình phạt trong trường hợp cho rằng hành vi của bị cáo là chiếm đoạt tài sản.

Hội đồng xét xử thấy rằng:

Thứ nhất, hành vi của bị cáo Nguyễn Tiến Tr đã xâm phạm trái phép phương tiện điện tử của người khác, có mục đích chiếm đoạt nhưng cụ thể trong trường

hợp này là nhằm lấy cắp dữ liệu điện tử để thực hiện nhiều mục đích khác nhau. Trên thực tế bị cáo đã lấy cắp các dữ liệu điện tử này và bán một phần để thu lợi bằng tiền Việt Nam đồng, sử dụng một phần để đầu tư, một phần để trả nợ. Hành vi này phù hợp với mô tả trong cấu thành tội phạm tội “*Xâm phạm trái phép vào mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử của người khác*” tại Điều 289 Bộ luật hình sự.

Thứ hai, do chưa đủ cơ sở để xác định số USDT trong ví điện tử là tài sản, và không định giá được để xác định giá trị tài sản bị chiếm đoạt nên chưa đủ căn cứ để truy tố, xét xử bị cáo về tội “*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 290 Bộ luật hình sự như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H.

Thứ ba, bị cáo Nguyễn Tiến Tr đã bị khởi tố, truy tố, xét xử ở cấp sơ thẩm về tội “*Xâm phạm trái phép vào mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử của người khác*” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 289 Bộ luật hình sự là có căn cứ. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không làm xấu đi tình trạng của bị cáo khi chưa có hướng dẫn cụ thể đối với những quy định liên quan đến tiền điện tử và những trường hợp chiếm đoạt tiền điện tử được coi là chiếm đoạt tài sản.

Về mức hình phạt của bị cáo Tr: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất và mức độ phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự buộc bị cáo Nguyễn Tiến Tr 8 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Xâm nhập trái phép vào mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử của người khác*” là có căn cứ, đảm bảo tính giáo dục đối với bị cáo và có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đối với Bản án Hình sự sơ thẩm số 136/2023/HSST ngày 22/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đan Ph, thành phố H về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Tiến Tr.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng nghị số 03/QĐ-VKS ngày 18/01/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 136/2023/HSST ngày 22/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đan Ph, thành phố H về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Tiến Tr.

Áp dụng: Điểm c khoản 3 Điều 289; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tiến Tr 8 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Xâm nhập trái phép vào mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử của người khác*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 07/12/2022.

2. *Án phí hình sự phúc thẩm*: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Tiến Tr không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND cấp cao tại H;
- VKSND TP. H;
- Công an TP. H;
- TAND huyện Đan Ph.
- Chi cục T.H.A DS huyện Đan Ph.;
- Sở Tư pháp TP H;
- Lưu, lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lê Na